

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt cấp kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc
Chương trình Nông thôn miền núi và cấp tỉnh đã nghiệm thu đợt IV năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo ngày 27/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: số 5107/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 phê duyệt giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa; số 2211/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và điều chỉnh phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2025, tỉnh Thanh Hóa sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 4834/QĐ-UBND ngày 01/12/2021; số 5024/QĐ-UBND ngày 24/11/2020; số 4707/QĐ-UBND ngày 28/12/2022; số 1615/QĐ-UBND ngày 12/5/2022; số 1830/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; số 3957/QĐ-UBND ngày 02/10/2024; số 968/QĐ-UBND ngày 20/3/2019; số 3632/QĐ-UBND ngày 16/9/2021; số 2581/QĐ-UBND ngày 15/7/2021; số 1436/QĐ-UBND ngày 24/4/2020; số 1059/QĐ-UBND ngày 26/3/2019 về việc phê duyệt dự toán và cấp kinh phí cho nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và cấp tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 14175/TTr-STC ngày 25/12/2025 (kèm theo các Công văn của Giám đốc Sở Khoa học và Công

nghe: Số 4195/SKHCN-KHTC ngày 18/11/2025; số 4256/SKHCN-KHTC ngày 23/12/2025; số 4261/SKHCN-KHTC ngày 23/12/2025).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt cấp kinh phí cho các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi và cấp tỉnh đã nghiệm thu đợt V năm 2025, với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Số lượng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được cấp kinh phí: 11 nhiệm vụ.
2. Tổng kinh phí cấp: 6.708.060.000 đồng (*chi tiết có Phụ lục kèm theo*).
3. Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2025.

Điều 2. Căn cứ nội dung được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan, hướng dẫn các đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc xử lý tài sản được hình thành thông qua thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, đảm bảo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính: Thực hiện việc cấp kinh phí cho các đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ; đồng thời, hướng dẫn các đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện việc thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Quản lý, sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, hiệu quả và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

4. Giám đốc các sở: Tài chính, Khoa học và Công nghệ; Thủ trưởng các đơn vị chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của số liệu và hồ sơ trình; việc sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước khu vực XI; Thủ trưởng các đơn vị chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt tại Điều 1 và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KT-TC, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNXDKH..

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục
CHI TIẾT CẤP KINH PHÍ CHO CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH
NÔNG THÔN MIỀN NÚI VÀ CẤP TỈNH ĐÃ NGHIỆM THU ĐỢT V NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện									
				Tổng kinh phí quyết toán	Trong đó nguồn NSNN (SNKH)								
					Tổng số			SNKH đã cấp			SNKH cấp đợt này		
					Tổng	Trung ương	Địa phương	Tổng	Trung ương	Địa phương	Tổng	Trung ương	Địa phương
	Tổng số			80.386,09	32.290,40	17.072,85	15.217,55	23.817,74	15.308,25	8.509,49	6.708,06	0,00	6.708,06
I.	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi ủy quyền địa phương quản lý			61.063,65	13.459,10	6.864,60	6.594,50	8.439,39	5.100,00	3.339,39	3.255,11	0,00	3.255,11
1	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết trồng, chế biến và tiêu thụ dừa, dưa chuột, cà chua đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa.	Công ty Cổ phần chế biến nông sản Trung Thành	Từ tháng 01/2021 đến tháng 6/2023	26.694,47	3.826,51	2.000,00	1.826,51	3.000,00	2.000,00	1.000,00	826,51		826,510
2	Dự án: Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi gà Ri vàng rơm theo hướng phát triển bền vững phù hợp với điều kiện tỉnh Thanh Hóa.	Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp và Khuyến nông Việt Nam.	Từ tháng 8/2021 đến tháng 11/2024.	13.950,39	3.758,007	1.849,360	1.908,65	1.550,00	900,00	650,00	1.258,65		1.258,65

3	Dự án: “Ứng dụng công nghệ cao xây dựng mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ dưa lưới (<i>cucumis melo L</i>) đạt tiêu chuẩn VietGAP tại tỉnh Thanh Hóa”.	Công ty TNHH TM-DV nông nghiệp CNC Rich Farm	Từ tháng 10/2021 đến tháng 10/2024	14.293,41	3.243,29	1.615,24	1.628,06	1.600,00	800,00	800,00	828,06		828,06
4	Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, xây dựng mô hình trồng và sơ chế: Khôi tía (<i>Ardisia gigantifolia</i> Stapf), Bương mọc (<i>Dendrocalamus velutinus</i>) tại vùng đệm Vườn Quốc gia Bến En”.	Ban Quản lý Vườn Quốc gia Bến En	Từ tháng 7/2018 đến tháng 7/2022	6.125,38	2.631,29	1.400,00	1.231,29	2.289,39	1.400,00	889,39	341,90		341,90
II	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Chương trình Nông thôn miền núi do Trung ương quản lý			14.126,78	14.126,78	10.208,25	3.918,53	12.250,99	10.208,25	2.042,74	1.875,80	0,00	1.875,80
1	Dự án “Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình nhân giống, trồng, chế biến tinh dầu Quế ngọc gắn với tiêu thụ theo chuỗi giá trị tại huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa”.	Ban quản lý Vườn Quốc gia Xuân Liên	Từ tháng 12/2019 đến tháng 02/2025	5.037,32	5.037,32	3.530,93	1.506,39	4.778,67	3.530,93	1.247,74	258,65		258,652

2	Dự án: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình nuôi thương phẩm cá Trắm đen (Mylopharyngodon piceus), cá Bống (Spinibarbus denticulatus) và cá Chép V ₁ (Cyprinus) trong lồng theo chuỗi giá trị tại các hồ chứa thủy lợi tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Hồng Đức	Từ tháng 11/2018 đến tháng 10/2022	6.028,00	6.028,00	4.290,00	1.738,00	4.815,00	4.290,00	525,00	1.213,00		1.213,00
3	Dự án: “Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình trồng và chế biến Mắc ca (Macadamia) theo chuỗi giá trị tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa”.	Công ty TNHH Hiếu Đạt	Từ tháng 12/2020 đến tháng 02/2025	3.061,46	3.061,46	2.387,32	674,14	2.657,32	2.387,32	270,00	404,14		404,144
III.	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh			5.195,66	4.704,52	0,00	4.704,52	3.127,36	0,00	3.127,36	1.577,15	0,00	1.577,15
1	Đề tài: Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và nuôi thử nghiệm Ngao Dầu (Meretrix meretrix Linnaeus, 1758) thương phẩm tại Thanh Hóa.	Viện Nông nghiệp tỉnh Thanh Hóa	Từ tháng 12/2021 đến tháng 05/2023	1.382,55	1.085,24		1.085,24	830,85		830,85	254,39	0,00	254,390
2	Đề tài: Nghiên cứu đề xuất giải pháp thúc phát triển loại hình du lịch Mice gắn với phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030 định hướng đến năm 2035.	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Từ tháng 01/2023 đến tháng 01/2025	1.137,76	1.137,76		1.137,76	912,53		912,53	225,23		225,230

3	Đề tài: Nghiên cứu xác định các cây trồng, vật nuôi bản địa có giá trị, hiệu quả kinh tế cao, phục vụ phát triển các sản phẩm đặc sản, sản phẩm OCOP tại các huyện miền núi tỉnh Thanh Hóa.	Ban Quản lý Vườn Quốc Gia Xuân Liên	Từ tháng 8/2022 đến tháng 2/2025	1.350,53	1.156,70		1.156,70	1.004,00		1.004,00	152,70		152,700
4	Đề tài: Đánh giá mức độ tổn thương do tác động của biến đổi khí hậu trong phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa.	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Từ tháng 12/2021 đến tháng 12/2024	1.324,82	1.324,82		1.324,82	379,99		379,99	944,83		944,830

Danh mục ấn định có 11 nhiệm vụ KH&CN./.